TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07/7/2026.
V/v:"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Lê Thị Huyền Trang**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Hồng Liên**

2. Ông **Võ Hoàng Vũ**

Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Cẩm Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 282/2026/TLST–HNST ngày 06 tháng 5 năm 2026 về việc "*tranh chấp ly hôn"*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 991/2026/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đỗ Kim T**, sinh năm 1979

Địa chỉ: 323/8 khu vực 6, phường A, thành phố C.

Địa chỉ hiện nay: 311/49 N, phường C, thành phố C.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1980

Địa chỉ: 323/8 khu vực 6, phường A, thành phố C.

(Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn

ngày 21/5/2008 tại UBND phường A, quận N, thành phố C. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2018 bắt đầu phát sinh nhiều quan điểm bất đồng, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vả trong việc làm ăn, đời sống chung không hạnh phúc dù đã cố gắng hoà giải nhưng không đạt được kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tình cảm không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

Về con chung: ông bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc T1 (nữ), sinh ngày 29/8/1999 và Nguyễn Quốc A (nam), sinh ngày 11/6/2004. Do hai con đã đủ 18 tuổi, đã trưởng thành nên bà không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Đỗ Kim T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H vắng mặt dù đã nhận được Toà án thông báo triệu tập hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: bà Đỗ Kim T và ông Nguyễn Thanh H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2008. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông H. Bị đơn ông Nguyễn Thanh H có địa chỉ tại phường A, thành phố C nên vụ kiện được xác định là "*Tranh chấp ly hôn*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa tiến hành các thủ tục công khai chứng cứ, hòa giải theo đúng quy định của pháp luật. Bà Đỗ Kim T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, phía ông Nguyễn Thanh H dù đã được Toà án tống đạt văn bản để tham dự phiên toà nhưng từ chối nhận và vắng mặt, Toà án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông H là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện*: Thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[4] *Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Bà Đỗ Kim T và ông Nguyễn Thanh H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận N, thành phố C vào ngày 21/5/2008 nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không có sự chăm sóc và chia sẻ với nhau dẫn đến vợ chồng không còn tiếng nói chung. Đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà đã không còn chung sống từ năm 2020 đến nay. Nay bà Đỗ Kim T nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn nên có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh H. Về phía ông H, dù đã được Toà án triệu tập nhưng từ chối nhận văn bản tố tụng và vẫn vắng mặt, không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T cho thấy ông không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này, đời sống hôn nhân không còn đem lại hạnh phúc cho các bên. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Kim T đối với ông Nguyễn Thanh H là có cơ sở để chấp nhận.

[4.1] *Về con chung*: ông bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc T1 (nữ), sinh ngày 29/8/1999 và Nguyễn Quốc A (nam), sinh ngày 11/6/2004. Do hai con đã đủ 18 tuổi, đã trưởng thành, đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng không đặt ra xem xét giải quyết.

[4.2] *Về tài sản chung, nợ chung*: do nguyên đơn trình bày không có và bị đơn vắng mặt nên không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này nếu có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] *Về án phí hôn nhân*: Nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Kim T.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Đỗ Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

- Về con chung: ông bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc T1 (nữ), sinh ngày 29/8/1999 và Nguyễn Quốc A (nam), sinh ngày 11/6/2004. Do hai con đã đủ 18 tuổi, đã trưởng thành, đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà Đỗ Kim T phải chịu 300.000đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006436 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí. Đương sự đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nói trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1-Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Huyền Trang